

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DSST

Ngày 20/6/2023

V/v “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thông Thái

2. Ông Ngô Anh Tuấn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đắc Quốc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát Viên

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 321/2022/TLST-DS, ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐST-DS, ngày 09/5/2022; và các Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1995; Địa chỉ: thôn 3, xã P, huyện T, Bình Thuận; Có mặt

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1977; Địa chỉ: thôn 3, xã P, huyện T, Bình Thuận; Vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Hồ Thị M, sinh năm 2002; Địa chỉ: thôn 3, xã P, huyện T, Bình Thuận; Có mặt

2/ Ông Hồ Văn H2, sinh năm 2005; Địa chỉ: thôn 3, xã P, huyện T, Bình Thuận; Do bà M đại diện theo ủy quyền.

4. Người làm chứng:

1/ bà Nguyễn Thị Ngọc L2, sinh năm 1985; Địa chỉ: thôn 3, xã P, huyện T, Bình Thuận; Có mặt

2/ ông Lý Hoàng S, sinh năm 1960; Địa chỉ: thôn 3, xã P, huyện T, Bình Thuận; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 14 tháng 6 năm 2022 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào ngày 27/12/2020 vợ chồng ông Hồ Văn H, bà Nguyễn Thị Ngọc M1 là chị ruột bà có đến nhà bà xin vay số tiền 160.000.000đ, do chỗ chị em nên bà đồng ý cho mượn để

giúp ông bà làm ăn, không thỏa thuận lãi nhưng có hứa trong thời gian 01 tháng sẽ thanh toán lại đủ tiền vay cho bà, khi đó bà có nhờ ông S ban cán sự thôn 3, xã P làm giấy mượn tiền giùm xong cho vợ chồng ông H, bà M1 ký. Sự việc vay mượn 02 đứa con ông H đều biết. Tuy nhiên, đã hết thời hạn trả nợ, bà M1 đã chết, bà nhiều lần đến nhà ông H yêu cầu trả số tiền mà vợ chồng ông mượn nhưng ông H không chịu trả và đòi chiếm đoạt luôn số tiền trên, được biết ông H đòi sang nhượng nhà ở của vợ chồng ông cho người khác để lấy tiền tiêu xài cho riêng ông. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và các con ông H phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng). Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị M trình bày* : Bà là con ruột bà Nguyễn Thị Ngọc M1, mẹ đã chết do Covid, con ông Hồ Văn H. Theo bà được biết vào năm 2020 ba mẹ bà có mượn tiền của dì ruột bà là bà Nguyễn Thị L số tiền 160.000.000đồng có làm giấy tay mượn tiền do ông tên S ghi và mượn của bà ngoại bà là bà Nguyễn Thị L3 số tiền 80.000.000đ có làm giấy do em bà tên H2 ghi và ba mẹ bà có ký vào giấy mượn tiền. Tuy bà không có chứng kiến việc ba mẹ bà mượn tiền của ngoại bà nhưng trước khi mẹ bà mất thì bà có lời dặn dò số tiền ba mẹ mượn của dì và bà ngoại con, sau này nếu ba con không có khả năng trả thì bán nhà trả dì và ngoại. Sau khi mẹ bà mất thì dì và bà ngoại bà có đòi nợ ông ba bà nhưng ông ba bà không chịu trả đòi bán nhà cửa tiêu xài cho riêng ông. Vì vậy dì và ngoại bà mới đi kiện. Số nợ này đến nay cũng chưa trả, ba mẹ bà có căn nhà ở xóm 9, thôn 3, xã P hiện ba bà còn ở.

Tại Tòa dì và bà ngoại yêu cầu chị em bà và ba bà cùng trả nợ, bà đồng ý theo yêu cầu của dì bà và bà ngoại bà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn H2 trình bày tại biên bản ghi lời khai đương sự ngày 01/12/2022*: Ông là con ruột bà Nguyễn Thị Ngọc M1, ông Hồ Văn H. Theo ông được biết vào năm 2020 ba mẹ ông có mượn tiền của dì ruột ông là bà Nguyễn Thị L số tiền 160.000.000đ có làm giấy tay mượn tiền do ông tên S ghi và mượn của bà ngoại ông bà Nguyễn Thị L3 số tiền 80.000.000đ có làm giấy do ông ghi và ba mẹ ông có ghi họ tên ba mẹ ông vào giấy. Tuy ông không có chứng kiến việc ba mẹ ông mượn tiền của dì ông nhưng có chứng kiến ba mẹ ông mượn tiền của bà ngoại, trước khi mẹ ông mất thì bà có lời dặn số tiền ba mẹ mượn của dì và bà ngoại con sau này nếu ba con không có khả năng trả thì bán nhà trả cho dì và ngoại. Sau khi mẹ ông mất thì dì và bà ngoại ông có đòi nợ thì ông ba ông không chịu trả đòi bán nhà tiêu xài cho riêng ông. Vì vậy dì và ngoại ông mới đi kiện. Số nợ này đến nay cũng chưa trả, ba mẹ ông có căn nhà ở xóm 9, thôn 3, xã P hiện ba tôi còn ở.

Nay Tòa án đưa chị em vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông đồng ý không có ý kiến gì, còn trách nhiệm trả nợ cho dì L và bà ngoại ông là thuộc về ba ông, còn chị em ông có nghĩa vụ hay không thì do Tòa án xem xét quyết định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 trình bày* : Ông thống nhất lời trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị L, ông không có bổ sung gì thêm.

- *Bị đơn Hồ Văn H vắng mặt nên không có lời trình bày*.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu:

- Việc kiểm sát tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 463, 466, 614, 615 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L đối với ông Hồ Văn H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Hồ Văn H, Hồ Thị M, Hồ Văn H2 phải liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Về án phí: ông Hồ Văn H, Hồ Thị M, Hồ Văn H2 phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Hồ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông H từ chối nhận giấy triệu tập và các văn bản tố tụng. Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự từ chối nhận các văn bản tố tụng, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu ông Hồ Văn H và các con ông H phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà **số tiền** số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng); **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan** xác nhận bị đơn ông H, bà M1 có vay của nguyên đơn bà L số tiền 160.000.000 và đồng ý cùng có trách nhiệm hoàn trả theo yêu cầu của nguyên đơn. Chứng tỏ, đây thuộc trường hợp tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được điều chỉnh theo Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Trong quá trình xác minh thu thập chứng cứ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L xuất trình giấy vay tiền có chữ ghi tên của người vay tiền là bà Nguyễn Thị Ngọc Minh và ông Hồ Văn H và người chứng kiến việc vay là bà Nguyễn Thị Ngọc L2. Bà L2 xác nhận bà M1 và ông H có ký vay tiền của bà L số tiền 160.000.000 đồng, giấy mượn tiền là do ông Lý Hoàng S ghi giùm, ông S cũng thừa nhận việc này. Đối chiếu với lời khai các con bà M1 là bà M và ông H2, ông bà xác nhận cha mẹ ông bà có vay tiền của bà L số tiền trên, ông bà đồng ý cùng có trách nhiệm hoàn trả theo yêu cầu của bà L. Mặc ông H vắng và không có lời trình bày nhưng các con ông H đều thừa nhận việc vay tiền. Chứng tỏ, bà M1 và ông H lúc lâm vào tình trạng vỡ nợ nên có vay tiền của bà L để trả nợ cho người khác, lời khai nhận của các con ông H phù hợp với các chứng cứ khác như lời ông S, bà Loan và giấy vay

tiền. Tuy nhiên, ông H và bà M1 là vợ chồng hợp pháp do bà M1 chết nên phát sinh thừa kế nghĩa vụ đối với ông H và các con ông H cho nên ông H và các con ông H phải có trách nhiệm đối với khoản nợ chung mà nguyên đơn yêu cầu và phải hoàn trả nợ trong phạm vi phần di sản bà M1 để lại.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, đủ cơ sở kết luận việc khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Hồ Văn H về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc ông H và các con ông H là bà Hồ Thị M và ông Hồ Văn H2 phải liên đới hoàn trả số nợ cho bà L nhưng trong phạm vi di sản bà M1 để lại.

[4] Về phần án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 357, Điều 463, 466, 614, khoản 1 Điều 615 của Bộ Luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Hồ Văn H về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Hồ Văn H, bà Hồ Thị M và ông Hồ Văn H2 phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L **160.000.000đ** (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản bà Nguyễn Thị Ngọc M1 để lại.

Về án phí: ông Hồ Văn H, bà Hồ Thị M và ông Hồ Văn H2 phải nộp **8.000.000đ** (tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền **4.000.000đ** (bốn triệu đồng) tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0011904 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2022), đối với bị đơn và người có quyền lợi liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- Lưu HS.

Lý Văn Lấy